

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2020/DS-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng thế chấp tài
sản giữa Ngân hàng Thương
mại Cổ phần N T V N với ông
V, bà T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Hữu Trí

Ông Trần Đăng Khoa

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 166/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 135/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB)

Địa chỉ: Số 198, đường T Q K, Phường L T T, quận H K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N X T, sinh ngày 02-11-1969 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0100112437 đăng ký lần đầu ngày 02-6-2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16-01-2019, của Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông N T T – Chức vụ: Phó Trưởng Phòng giao dịch T G L X (có mặt)

Địa chỉ: Lô A, Đường số 5, khu dân cư mới, xã V N, huyện C T, tỉnh An Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0100112437 đăng ký lần đầu ngày 02-6-2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16-01-2019, của Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội; Giấy ủy quyền số 293/UQ-VCB-PC ngày 18-6-2018; Giấy ủy quyền số 27/UQ-AGI-HCNS ngày 13-5-2020.

2. Bị đơn: 1/Ông L V V, sinh ngày 30-11-1977 (vắng mặt)

2/Bà N T D T, sinh ngày 11-5-1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp V Q, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13-5-2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông B T M đã trình bày. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông N T T trình bày: Vào ngày 18-8-2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB) – chi nhánh An Giang và ông L V V, bà N T D T có ký kết các hợp đồng như sau:

1/Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX có nội dung:

Số tiền vay: 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng)

Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên (ngày 18-8-2015 đến ngày 18-8-2018)

Mục đích vay: Mua chiếc trệt và dàn cày

Lãi suất cho vay: 10%/năm.

Lãi suất chậm trả: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Phương thức trả:

Trả vốn gốc theo đúng thời hạn đã qui định theo lịch ghi trên giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng (ngày 18-8-2015).

2/Hợp đồng cho vay bán lẻ số 584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX có nội dung:

Số tiền vay: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)

Thời hạn vay: 10 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên (ngày 18-8-2015 đến ngày 18-6-2016)

Mục đích vay: Trồng lúa, nuôi bò

Lãi suất cho vay: 07%/năm.

Lãi suất chậm trả: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Phương thức trả:

Trả vốn gốc theo đúng thời hạn đã qui định theo lịch ghi trên giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng (ngày 18-8-2015)

Trả lãi trả trong 7 ngày kể từ ngày trả lãi được ghi trên giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng (ngày 18-8-2015)

3/Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1138/2015/HĐTC-AGI-TGLX ngày 18-8-2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AL688688, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.02008eL do UBND huyện T T, tỉnh An Giang cấp ngày 13-7-2009 đứng tên ông L V V, bà N T D T. Thửa đất số 836, tờ bản đồ số 10, diện tích: 10.025m², mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Đất tọa lạc: xã T T, huyện T T, tỉnh An Giang. Được Văn Phòng Công chứng T T, tỉnh An Giang công chứng ngày 18-8-2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh T T, tỉnh An Giang ngày 18-8-2015.

Tính đến ngày 29-9-2020, ông L V V, bà N T D T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB) – chi nhánh An Giang như sau:

1/Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015:

Vốn gốc: 114.947.973đ

Tiền lãi trong hạn: 75.889.988đ

Tiền lãi quá hạn: 21.944.509đ

2/Hợp đồng tín dụng trung hạn số 8584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015:

Vốn gốc: 4.000.000đ

Tiền lãi trong hạn: 994.778đ

Tiền lãi quá hạn: 497.389đ

Tổng cộng: 218.274.637đ (hai trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB) – chi nhánh An Giang yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét:

1/Buộc ông L V V, bà N T D T có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB) – chi nhánh An Giang vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là 218.274.637đ (hai trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi bảy đồng);

2/Buộc ông L V V, bà N T D T phải thanh toán phần tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015 và Hợp đồng tín dụng số 584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015 đến khi tất toán khoản nợ vay;

3/Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1138/2015/HĐTC-AGI-TGLX ngày 18-8-2015 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13-7-2020 và tại phiên tòa bị đơn bà N T D T trình bày: Vào ngày 18-8-2015, bà và ông V có vay vốn ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N – chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch T G L X 280.000.000đ; để mua máy cày, trồng lúa, nuôi bò. Quá trình vay vốn bà và ông V không mua máy cày, trồng lúa, nuôi bò. Bà và ông V đầu tư tiệm tóc, chụp ảnh cưới. Quá trình vay vốn bà và ông V đã trả vốn vay và tiền lãi nhưng không đúng kỳ hạn, không đủ tiền vốn, tiền lãi. Còn nợ lại tiền vốn và tiền lãi. Cách nay khoảng 1 năm bà và ông V không trả gì cho ngân hàng.

Tính đến ngày 29-9-2020, ông L V V và bà còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB) – chi nhánh An Giang như sau:

1/Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015:

Vốn gốc: 114.947.973đ

Tiền lãi trong hạn: 75.889.988đ

Tiền lãi quá hạn: 21.944.509đ

2/Hợp đồng tín dụng trung hạn số 8584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015:

Vốn gốc: 4.000.000đ

Tiền lãi trong hạn: 994.778đ

Tiền lãi quá hạn: 497.389đ

Tổng cộng: 218.274.637đ (hai trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Nay ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB) – chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch T G L X yêu cầu bà và ông V thanh toán 2 hợp đồng vay trên bà đồng ý trả nợ, đồng ý tính lãi theo hợp đồng, nhưng xin trả dần 3 lần như sau: Ngày 01-02-2021, trả 50.000.000đ; ngày 01-6-2021, trả 50.000.000đ; ngày 01-10-2021, trả hết số tiền còn nợ. Bà đồng ý tiếp tục tính lãi theo hợp đồng, đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1138/2015/HĐTC-AGI-TGLX ngày 18-8-2015 để đảm bảo thi hành án. Phần đất thế chấp vay vốn ngân hàng hiện bà và ông V đang thuê người canh tác thay bà và ông V. Đất tọa lạc kênh T V, xã T T, huyện T T, tỉnh An Giang. Phần đất thế chấp vay vốn ngân hàng bà và ông V không cầm cố hay chuyển nhượng cho ai khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn ông L V V, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn ông V.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện, đối chiếu quy định của pháp luật tại Điều 463, Điều 317 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án có quan hệ pháp luật

tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015; Hợp đồng cho vay bán lẻ số 584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015; Biên bản lấy lời khai của bà N T D T ngày 13-7-2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1138/2015/HĐTC-AGI-TGLX ngày 18-8-2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện T T, tỉnh An Giang ngày 18-8-2015, do nguyên đơn cung cấp. Ngày 13-5-2020, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Điều 429 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015;

Căn cứ Hợp đồng cho vay bán lẻ số 584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015;

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1138/2015/HĐTC-AGI-TGLX ngày 18-8-2015;

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 13-5-2020;

Căn cứ Biên bản lấy lời khai của bà N T D T ngày 13-7-2020 và tại phiên tòa,

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận, vào ngày 18-8-2015, giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N, chi nhánh tỉnh An Giang, Phòng Giao dịch T G L X và bị đơn ông L V V, bà N T D T có xác lập 2 hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873 với số tiền vay: 180.000.000đ; thời hạn vay: 36 tháng, từ ngày 18-8-2015 đến ngày 18-8-2018; lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm; lãi suất quá hạn: 15%/năm; mục đích vay: Mua chiếc trệt và dàn cày; ngày nhận nợ: 18-8-2015.

Hợp đồng cho vay bán lẻ số 584 với số tiền vay: 100.000.000đ; thời hạn vay: 10 tháng, từ ngày 18-8-2015 đến ngày 18-6-2016; lãi suất cho vay trong hạn: 07%/năm; lãi suất quá hạn: 10,5%/năm; mục đích vay: Trồng lúa, nuôi bò; ngày nhận nợ: 18-8-2015.

Trong quá trình vay tiền ông V, bà T thực hiện việc đóng lãi không đầy đủ; đến ngày 18-6-2016 và 18-8-2018 đã chuyển sang nợ quá hạn. Ông V bà T không thực hiện nghĩa vụ trả lại vốn vay cũng như trả lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký; ông V bà T không sử dụng vốn vay đúng mục đích dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015 và Hợp đồng cho vay bán lẻ số 584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 500 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 17 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1138/2015/HĐTC-AGI-TGLX ngày 18-8-2015, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N, chi nhánh tỉnh An Giang, Phòng Giao dịch T G L X và ông L V V, bà N T D T; được Văn Phòng Công chứng T T, tỉnh An Giang công chứng ngày 18-8-2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện T T, tỉnh An Giang ngày 18-8-2015. Thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AL688688, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.02008eL do UBND huyện T T, tỉnh An Giang cấp ngày 13-7-2009 đứng tên ông L V V, bà N T D T. Thửa đất số 836, tờ bản đồ số 10, diện tích: 10.025m², mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Đất tọa lạc: xã T T, huyện T T, tỉnh An Giang. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 317, 319, 500, 501 và 502 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; Điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; thì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội; Do đó hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trên có hiệu lực pháp luật.

[5.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1.1] Đối với việc trả nợ gốc và lãi: Do hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, nguyên đơn đã giao đủ tiền, khi đến hạn thanh toán, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại một lần vốn vay và tiền lãi đối với Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873 tiền vốn là 114.947.973đ, tiền lãi trong hạn là 75.889.988đ, tiền lãi quá hạn là 21.944.509đ, tổng cộng là 212.782.470đ và Hợp đồng cho vay bán lẻ số 584 tiền vốn là 4.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 994.778đ, tiền lãi quá hạn là 497.389đ, tổng cộng là 5.492.167đ.

Xét quan hệ tranh chấp trên, bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là sử dụng vốn vay đúng mục đích, thực hiện việc đóng lãi cũng như trả vốn vay khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-

VKSNDTC ngày 19-6-1997; Điều 1 của Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Các Điều 10, 11, 12, 13, 16, 17, 24 và 25 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại một lần vốn vay và lãi là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.1.2] *Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng:* Do hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng tín dụng trung hạn. Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất, bị đơn đã không trả vốn đúng hạn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 468 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997; Điều 1 của Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Điều 11 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thì yêu cầu của nguyên đơn được tính lãi theo hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật; Do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.1.3] *Đối với việc yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc thi hành án:*

Do Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1138/2015/HĐTC-AGI-TGLX ngày 18-8-2015, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N, chi nhánh tỉnh An Giang, Phòng Giao dịch T G L X và ông L V V, bà N T D T; được Văn Phòng Công chứng T T, tỉnh An Giang công chứng ngày 18-8-2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện T T, tỉnh An Giang ngày 18-8-2015 có hiệu lực pháp luật. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322 và 323 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] *Đối với bị đơn bà N T D T trình bày:* Thống nhất và đồng ý trả cho nguyên đơn vốn vay và tiền lãi còn nợ, đồng ý tính lãi theo hợp đồng, nhưng xin trả dần 3 lần như sau: Ngày 13-8-2020, trả 70.000.000đ vốn vay, còn lại xin trả 2 kỳ cách nhau khoảng 6 tháng, không được nguyên đơn chấp nhận. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của bị đơn không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền 218.274.637đ (hai trăm mười tám triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi bảy đồng) nên bị đơn phải chịu 10.913.000đ (mười triệu chín trăm mười ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N, bị đơn bà T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-9-2020).

Bị đơn ông V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 429; 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470, 500, 501, 502 và Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Điều 167 và Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013;

Các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997;

Điều 1 của Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Các Điều 10, 11, 12, 13, 16, 17, 24 và 25 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N, chi nhánh An Giang.

[2] Buộc bị đơn ông L V V và bà N T D phải trả một lần cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N, chi nhánh An Giang như sau:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015. vốn vay là 114.947.973đ và tiền lãi là 97.834.497đ, tổng cộng là 212.782.470đ (hai trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm bảy mươi đồng) (tính đến ngày 29-9-2020).

Hợp đồng cho vay bán lẻ số 584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015. Vốn vay là 4.000.000đ và tiền lãi là 1.492.167đ, tổng cộng là 5.492.167đ (năm triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng) (tính đến ngày 29-9-2020).

Tổng cộng: 218.274.637đ (hai trăm mười tám triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

[3] kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 29-9-2020, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (Hợp đồng tín dụng trung hạn số 873/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015 và Hợp đồng cho vay bán lẻ số 584/2015/TH-VCB-AGI-TGLX ngày 18-8-2015).

[4] Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1138/2015/HĐTC-AGI-TGLX ngày 18-8-2015, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N, chi nhánh tỉnh An Giang, Phòng Giao dịch T G L X và ông L V V, bà N T D T; được Văn Phòng Công chứng T T, tỉnh An Giang công chứng ngày 18-8-2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện T T, tỉnh An Giang ngày 18-8-2015. Thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AL688688, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.02008eL do UBND huyện T T, tỉnh An Giang cấp ngày 13-7-2009 đứng tên ông L V V, bà N T D T. Thửa đất số 836, tờ bản đồ số 10, diện tích: 10.025m², mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Đất tọa lạc: xã T T, huyện T T, tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Khi bị đơn ông L V V, bà N T D T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ mà không phải phát mãi tài sản, thì nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N, chi nhánh tỉnh An Giang, Phòng Giao dịch T G L X có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp trả lại tài sản thế chấp cho bị đơn ông V, bà T.

[6] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB) 5.734.000đ (năm triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006975 ngày 09-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông L V V, bà N T D T phải chịu 10.913.000đ (mười triệu chín trăm mười ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N T V N (VCB), bị đơn bà N T D T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-9-2020).

Bị đơn ông L V V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà